TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:16/2023/HNGĐ-ST Ngày 16-03-2023 "V/v Ly hôn,"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Công Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lộc

Bà Nguyễn Thị Di

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Điền tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 358/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Long Điền và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bé B, sinh năm: 1980 (Bà B vắng mặt và có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 17, tổ A, ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Đặng Văn L, sinh năm: 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 17, tổ A, ấp P, xã H, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các văn bản làm việc tại tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Bé B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Bé B và ông Đặng Văn L yêu thương và đi đến cưới nhau năm 2001, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26-04-2001, tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Ái, Quận Châu Thành A, thành phố Cần Thơ, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 144/KH 2001, ngày 26- 04-2001. Trong thời gian chung sống bà B và ông L thường đã xảy ra cãi vả, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và không thể hàn gắn được. Thấy không còn tình cảm nữa, nên bà B mong muốn được Tòa án huyện Long Điền giải quyết cho bà B được ly hôn với ông Đặng Văn L.

Về con chung và cấp dưỡng: Bà Phạm Thị Bé B và ông Đặng Văn L có 04 người con chung là cháu Đăng Thị Phương L1, sinh ngày 13-6-1996; Đặng Thị Phương L2, sinh ngày 23-4-1998; Đặng Văn L3, sinh ngày 30-8-2002 và Đặng Văn L4, sinh ngày 24-7-2004. Các cháu L1, L2, L3, L4 hiện nay đã thành niên, phát triển bình thường, không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên bà bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà B, Tòa án triệu tập ông L để làm việc nhưng ông L không đến Tòa để làm việc. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà B và ông L ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Phạm Thị Bé B.

Về con chung: Các cháu Đăng Thị Phương L1, sinh ngày 13-6-1996; Đặng Thị Phương L2, sinh ngày 23-4-1998; Đặng Văn L3, sinh ngày 30-8-2002 và Đặng Văn L4, sinh ngày 24-7-2004. Hiện nay các cháu L1, L2, L3, L4 đã thành niên, phát

triển bình thường, không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên bà bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà B xác định yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, đối với ông L được xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn". Nơi cư trú của ông Đặng Văn L ở thị trấn Long Điền, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Bé B và ông Đặng Văn L sống chung với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 26-04-2001, tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Ái, Quận Châu Thành A, thành phố Cần Thơ, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 144/KH 2001, ngày 26- 04-2001. Trong quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn không hàn gắn được. Qúa trình tố tụng ông L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc ông L cố tình vắng mặt cho thấy không có thiện chí hòa giải đoàn tụ mà bỏ mặc cho mâu thuẫn đến đâu thì đến. Theo kết quả xác minh ông L đang sinh sống tại địa phương nhưng quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không nắm rõ. Bà B cho rằng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hàn gắn trong khi đó ông L cố tình vắng mặt không có lý do. Xét thấy, ông L không có thiện chí hàn gắn tình cảm, bà B kiên quyết xin ly hôn cho thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân Gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của bà B là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng: Bà B và ông L 04 người con chung là cháu Đăng Thị Phương L1, sinh ngày 13-6-1996; Đặng Thị Phương L2, sinh ngày 23-4-1998; Đặng Văn L3, sinh ngày 30-8-2002 và Đặng Văn L4, sinh ngày 24-7-2004. Các cháu L1, L2, L3, L4 hiện nay đã thành niên, phát triển bình thường,

không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên bà bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà B là nguyên đơn nên phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bé B về việc "Ly hôn" đối với ông Đặng Văn L.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Bé B được ly hôn với ông Đặng Văn L.

1.2 Về con chung và cấp dưỡng: Bà B và ông L có 04 người con chung là cháu Đăng Thị Phương L1, sinh ngày 13-6-1996; Đặng Thị Phương L2, sinh ngày 23-4-1998; Đặng Văn L3, sinh ngày 30-8-2002 và Đặng Văn L4, sinh ngày 24-7-2004. Các cháu L1, L2, L3, L4 hiện nay đã thành niên, phát triển bình thường, không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nên bà bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Bé B phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009248 ngày 11-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng

mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Công Hiếu

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND xã Nhơn Ái, Quận Châu Thành, TP Cần Thơ (số 144, ngày 26-04-2001;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.